

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2022

“V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly  
hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đô.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Phụng;  
2. Ông Phan Quốc Tiến;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Thái Thị Bé M, sinh năm 1992.

*Bị đơn:* Nguyễn Văn H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh H vắng mặt tại phiên tòa; Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2021, chị Thái Thị Bé M là nguyên đơn trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Thái Thị Bé M và anh Nguyễn Văn H tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Cao Lãnh ngày 21/4/2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên ghen tuông vô cớ, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Đầu năm 2019, chị M đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng không ai có ý hàn gắn tình cảm. Nay chị Thái Thị Bé M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 02/10/2015. Hiện nay, con chung đang sống cùng anh H.

Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là anh Nguyễn Văn H:** Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Đồng thời, anh H cũng không có văn bản ghi ý kiến gửi nộp Tòa án, cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau:

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa Nguyễn Văn H và Thái Thị Bé M;
2. Bản sao giấy khai sinh Nguyễn Thị Ngọc V;
3. Đơn xin xác nhận nơi cư trú Nguyễn Văn H;

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 08/3/2022 và đã thông báo cho đương sự vắng mặt được biết

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Chị Thái Thị Bé M có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đang cư trú tại ấp A, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[3] Anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Chị Thái Thị Bé M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh H.

*Về nội dung:*

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Cao Lãnh ngày 21/4/2014 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị M yêu cầu ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống, chị M và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Chị M và anh H không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay, nhưng hai bên cũng không có hành động hay đưa ra biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thuyết phục được để tiếp tục sống chung để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Đối với bị đơn là anh H đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị M và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Bé M.

[5] Về nuôi con: Chị Bé M trình bày vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 02/10/2015. Hiện nay, con chung đang do anh H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Bé M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, cháu V đang chung sống với anh H ổn định, việc thay đổi người nuôi con sẽ làm ảnh hưởng tâm lý và sự phát triển con chung. Phía anh H không có ý kiến về việc nuôi con, còn chị M không có căn cứ nào chứng minh cháu V sống với anh H là không tốt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị M yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn là chưa phù hợp về quyền lợi mọi mặt của cháu V theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không chấp nhận yêu cầu của chị M.

Chị Bé M không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Ngọc V sau khi ly hôn nên có quyền yêu cầu chị M cấp dưỡng. Tuy nhiên, trong vụ án này, anh H không đến phiên tòa cũng không có ý kiến đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Trường hợp, anh H có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị M trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị

M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007205 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Thái Thị Bé M.

1.1. Về hôn nhân: Chị Thái Thị Bé M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

1.2. Về nuôi con: Anh Nguyễn Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 02/10/2015. Chị Thái Thị Bé M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thái Thị Bé M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được quyền cản trở.

1.3. Về chia tài sản khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thái Thị Bé M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007205 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã P;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đô**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Điệp – Trần Văn Bé Hai**

**Trần Văn Đô**